TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2021
"V/v Tranh chấp ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.ng Trương Văn Mên
2.Ông Lê Văn Đáng
- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:** Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Trọng T, sinh năm 1974 , có mặt;
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Bị đơn: Chị Thạch Thị S, sinh năm 1976, vắng mặt;
Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Trọng T trình bày và yêu cầu như sau:

+ *Về hôn nhân*: Vào năm 1995 anh và chị S tự nguyện tiến đến hôn nhân, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trương Trung T sinh ngày 06/10/1996, Trương Trung N sinh ngày 13/9/2001.

Vơ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị S có tính cờ bạc nên thất thoát tiền bạc vì vậy vợ chồng cự cải nhau, anh có đánh đập chị S, sau đó chị S bỏ nhà theo người đàn ông khác, anh có đến bên mẹ vợ rước về nhiều lần nhưng vợ anh không chịu về nên vợ chồng ly thân đến nay là 18 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị S.

+ *Về con chung*: Trương Trung T sinh ngày 06/10/1996 đã trưởng thành, Trương Trung N sinh ngày 13/9/2001 (chết ngày 27/4/2021).

+ *Về tài sản chung, về nợ chung*: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Thạch Thị S trình bày:* Năm1995 chị và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân và năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C. Quá trình chung sống do anh T khi uống rượu bia vào thường xuyên đánh đập, bản thân chị nhẫn nhịn vì thương con, sau khi không chịu đựng được nữa nên trở về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân 18 năm nay.

Nay anh T xin ly hôn chị chấp nhận ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.Về con chung: Có hai con chung Trương Trung T sinh ngày 06/10/1996 đã trưởng thành, Trương Trung N sinh ngày 13/9/2001 hiện đã chết do tai nạn giao thông.Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho anh T và chị S ly hôn. Về con chung đã trưởng thành, anh T, chị S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh T là thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xim miễn án phí nên xét anh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa anh T, chị S là tranh chấp về ly hôn; bị đơn đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay chị S có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị S.

[2] *Về hôn nhân*: Anh T, chị S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 27/12/2002 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh anh T, chị S là hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh T xin ly hôn chị S, theo lời khai của anh T và chị S thì trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc nên vợ chồng ly thân 18 năm nay, hiện tại anh T, chị S đều cho rằng vợ

chồng không còn thương nhau nên anh T xin ly hôn, chị S chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Tòa nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T, chị S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Con chung đã trưởng thành, anh T, chị S không yêu cầu nên không xét.

[4]*Về tài sản chung, về nợ chung:* Anh T, chị S không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, tuy nhiên anh T thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí được quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên xét anh T không phải chịu án phí.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Anh Trương Trọng T được ly hôn chị Thạch Thị S.
- Về con chung: Đã trưởng thành, anh T, chị S không yêu cầu nên không xét

-Về tài sản chung, về nợ chung: Anh T chị S không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Anh T không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Tranh